

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2025HS-ST

Ngày: 10-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cương;

Ông Trần Anh Dũng;

Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn K sinh năm 1983 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở trước khi bị bắt: nhà số B, đường A, tổ D, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên Trần Thị B, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: ngày 09/3/2023, bị U1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số tiền 7.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ, bị cáo chưa chấp hành đóng phạt; nhân thân:

+ Ngày 28/4/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 92/2021/HS-ST, chấp hành án tại Trại giam P, chấp hành xong ngày 21/4/2022, đã chấp hành đóng án phí ngày 15/7/2021.

+ Ngày 20/9/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 95/2018/HSST, chấp

hành án tại Trại giam T9, chấp hành xong ngày 16/5/2019, đã chấp hành đóng án phí ngày 01/7/2019.

+ Ngày 04/8/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 86/2015/HSST, chấp hành án tại Trại giam T9, chấp hành xong ngày 26/02/2016, đã chấp hành đóng án phí ngày 01/7/2019.

+ Ngày 29/4/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 136/2011/HSST, chấp hành án tại Trại giam T9, chấp hành xong ngày 04/5/2011, đã chấp hành đóng án phí ngày 06/12/2014.

+ Ngày 01/12/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm tại Bản án số 75/2006/HSST; ngày 29/12/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm, xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành án tại Trại giam A, chấp hành xong ngày 16/01/2008, đã chấp hành đóng án phí tháng 01/2008.

+ Ngày 16/9/2003, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm tại Bản án số 21/HSST; ngày 14/11/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm, xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành đóng án phí ngày 24/6/2005.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay; có mặt.

2. Lê Thị M (tên gọi khác là T1) sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nơi ở: số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968; bị cáo có chồng tên Phan Xuân D, sinh năm 1972; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 25/12/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 382/2024/HS-ST. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay; có mặt.

3. Đỗ Vũ L2 sinh năm 1992 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: số B, đường L, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh B2, sinh năm 1968 và bà Thạch Thị D1 sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên Sơn Thị Mỹ H1, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Thị M1 sinh năm 1997 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: số B, đường L, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1965; bị cáo có chồng tên là Nguyễn Công Q, sinh năm 1996 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn K:* Ông Nguyễn N, là Luật sư Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê Hữu L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Bùi Đức L1, sinh năm 1988; vắng mặt.

2/ Ông Lê Ngọc T3, sinh năm 1992; vắng mặt.

3/ Bà Lê Thị Kim T4, sinh năm 1980; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/9/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp cùng Công an phường T, thành phố D; Công an phường B, thành phố T tiến hành kiểm tra hành chính các cơ sở kinh doanh nhà trọ có dấu hiệu phức tạp trên địa bàn tỉnh Bình Dương, phát hiện và bắt giữ Lê Thị M, Nguyễn Thị M1, Đỗ V, Nguyễn Văn K có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy như sau:

** Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Thị M:*

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 27/9/2024, lực lượng Công an kiểm tra hành chính nơi ở của Lê Thị M tại căn hộ D khu phố T, phường T, thành phố D, phát hiện và thu giữ 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy trên sàn nhà và bắt quả tang Lê Thị M có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy gồm 04 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa ma túy do M tự nguyện giao nộp. Qua điều tra xác định:

Lê Thị M là người sử dụng trái phép chất ma túy, trước khi bị bắt M đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do đang nuôi con nhỏ. Qua mối quan hệ xã hội, M biết Nguyễn Văn K mua bán trái phép chất ma túy nên giữa tháng 9/2024 M sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo Reno7, số điện thoại 0776451949 gọi điện cho K để mua ma túy trị giá 1.000.000 đồng. Sau đó, K đưa ma túy đến nơi ở của M giao rồi nhận tiền. Sau khi sử dụng hết ma túy, cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần và vào ngày 26/9/2024, M tiếp tục liên lạc với K mua ma túy, mỗi lần 1.000.000 đồng, cất giấu tại phòng trọ để sử dụng dần nhưng chưa sử dụng hết thì bị Cơ quan Công an phát hiện, thu giữ số ma túy còn lại được đựng trong 04 túi nylon miệng kéo dính.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 4586 ngày 04/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận:

Tinh thể màu trắng, chất màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng: 4,8060gam (M1); 2,1365gam (M2); 0,2213gam (M4)

Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 1,0723gam (M3).

** Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Đỗ Vũ L2, và Nguyễn Thị M1:*

Khoảng 18 giờ 15 phút, ngày 27/9/2024, lực lượng Công an kiểm tra chỗ ở của Đỗ V, và Nguyễn Thị M1 tại số B đường L, khu phố B, phường B, thành phố T, phát hiện tại kệ nhựa sát nệm phòng ngủ có một đĩa nhựa màu trắng chứa ma túy và bắt quả tang L2, M1 có hành vi tàng trữ trái phép 02 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa ma túy do L2 tự nguyện giao nộp. Qua điều tra xác định:

Đỗ Vũ L2 và Nguyễn Thị M1 là người sử dụng trái phép chất ma túy, cùng thuê phòng trọ sống chung và cùng nhau sử dụng ma túy. Ngày 23/9/2024, L2 sử dụng tài khoản số 104869694755 chuyển tiền vào tài khoản số 0898637970 (cùng mở tại Ngân hàng V) cho M1 để M1 mua ma túy. M1 sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu đen, số điện thoại 0928822406 liên lạc với Nguyễn Văn K để mua ma túy với số tiền 2.700.000 đồng. Sau đó, K đưa 01 bịch nylon miệng kéo dính, bên trong chứa ma túy đến chỗ ở của M1 giao cho M1 và M1 chuyển tiền mua ma túy qua tài khoản cho K. Sau khi mua được ma túy, L2 dùng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng quán thành ống hút, dùng đĩa sứ để đựng ma túy và thẻ Ngân hàng V1 của M1 làm dụng cụ để sử dụng ma túy. Cả hai sử dụng một phần, phần còn lại cất giấu dưới tấm nệm ngủ để sử dụng dần.

Với cách thức như trên, khoảng 21 giờ, ngày 26/9/2024, L2 và M1 tiếp tục liên lạc với K mua ma túy lần thứ hai với số tiền 2.700.000 đồng. Sau khi mua ma túy, L2, M1 cùng nhau sử dụng nhưng bị sốc nên cả hai không sử dụng nữa. M1 cất số ma túy còn lại chung với số ma túy mua ngày 23/9/2024 rồi gọi điện yêu cầu K đổi ma túy khác. Tuy nhiên, K chưa kịp đưa ma túy khác đến đổi cho L2, M1 thì bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 4599 ngày 04/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng: 1,8514 gam (M1); 0,4498 gam (M2).

** Hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ của Nguyễn Văn K:*

Qua khai nhận của Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị M1, Đỗ Vũ L2, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn K tại số B, đường A, tổ D, khu phố A, phường A, thành phố T thu giữ ma túy và các vật dụng có liên quan. Qua điều tra xác định:

Nguyễn Văn K sử dụng trái phép chất ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Từ tháng 6/2024, K nảy sinh ý định mua bán trái phép chất ma túy để lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Qua mối quan hệ xã hội, K sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia, số điện thoại 0876708737 để liên lạc với người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch (không nhớ số điện thoại) để mua ma túy đá, Ketamine, thuốc lắc. Sau khi thỏa thuận, K sử dụng điện thoại Iphone 14 Promax màu trắng, số điện thoại 0962867899 đặt xe công nghệ Grap đến khu vực gần cầu P thuộc xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gặp người này để nhận ma túy đưa về cất giấu, phân chia và bán cho người khác.

K đã mua ma túy của người đàn ông nêu trên 02 lần, cụ thể:

- Khoảng 03 tháng trước khi bị bắt, K mua 01 bịch ma túy đá khoảng một hộp 10 (tức là khoảng 10 gam) với giá 1.800.000 đồng đưa về nơi ở cất giấu, phân chia bán cho nhiều người và sử dụng hết.

- Khoảng ngày 13-14/9/2024, K mua 02 bịch ma túy đá, 01 bịch Ketamine, 15 viên thuốc lắc với giá 9.000.000 đồng và được người đàn ông này cho 01 bịch cỏ mỹ nói K về bán thử nếu được thì mua bán sau. Số ma túy trên K đã bán cho nhiều người, số còn lại bị Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ.

Người mua ma túy liên lạc với K qua số điện thoại 0876708737 hoặc thông qua mạng xã hội Telegram tài khoản tên “By Ru”, tài khoản Z tên “Thuyền Ra Khơi” đều đăng ký bằng số điện thoại 0792313056 để mua ma túy và hẹn địa điểm giao nhận. Sau đó, K đón xe ôm công nghệ, đem ma túy đến điểm hẹn giao cho người mua và nhận tiền thông qua tài khoản số 9962867899 Ngân hàng V2, 0962867899 Ngân hàng S và số 1983268386 Ngân hàng T10 hoặc tiền mặt. Trong đó, K đã bán ma túy cho Lê Thị M 03 lần (lần thứ nhất khoảng giữa tháng 9/2024, lần thứ hai khoảng 01 tuần trước khi bị bắt và lần thứ ba vào ngày 26/9/2024), bán cho Đỗ Vũ L2 và Nguyễn Thị M1 02 lần vào ngày 23/9/2024 và ngày 26/9/2024.

Qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn K thu giữ: 01 hộp vải màu xanh, bên trong có 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) tại phòng ngủ sát phòng khách. Thu giữ tại phòng bếp: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2-1) trong hộp vải màu đen; 01 cái nỏ thủy tinh bên trong chứa tinh thể màu nâu (ký hiệu M2-2); 01 hộp vải màu xanh (ký hiệu M3) bên trong có 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-1); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-2); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa thực vật khô (ký hiệu M3-3); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 11 viên nén màu tím (ký hiệu M3-4). Thu giữ dưới nệm đặt trên nền nhà tại phòng ngủ ở trên gác (ký hiệu M4): 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 02 viên nén màu vàng (ký hiệu M4-1); 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M4-2) cùng nhiều vật dụng liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của K.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 4594 ngày 04/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận:

Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 10,6553 gam (M1); 49,5183 gam (M2-1). Tinh thể màu nâu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0286 gam (M2-2).

Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng: 1,6008 gam (M3-1); 9,0489 gam (M3-2); 0,2823 gam (M4-2).

Viên nén gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng: 5,1676 gam (M3-4); 0,9393 gam (M4-1).

Thực vật khô gửi giám định là ma túy, loại MDMB-BUTINACA, có khối lượng: 1,6114 gam (M3-3).

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 vật giống súng, màu đen có in chữ EKOL Botan và dãy số 2200395, trong hộp tiếp đạn có 04 viên đạn màu vàng, đầu đạn bằng cao su. Nguyễn Văn K khai nhận khẩu súng và 04 viên đạn này K mua trên mạng Internet với giá 2.800.000 đồng cất giấu để phòng thân. Tuy nhiên, ngày 09/3/2023, K đã bị Ủy ban nhân dân Quận U1, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ, K chưa chấp hành đóng phạt theo Quyết định xử phạt hành chính nhưng lại tiếp tục tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 4833 ngày 18/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận:

+ Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1 là công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng. Sử dụng khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1 bắn với đạn cỡ 9mm x 22mm trúng cơ thể người có thể gây thương tích hoặc tử vong.

+ 04 (bốn) viên đạn gửi giám định ký hiệu A2 là đạn cao su cỡ 9mm x 22mm, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng. Loại đạn này sử dụng để bắn được khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1, súng công cụ hỗ trợ nòng 9mm và một số súng tự chế có đường kính buồng súng phù hợp. Sử dụng khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1 bắn với 04 viên đạn gửi giám định ký hiệu A2, kết quả đạn nổ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn K không thừa nhận số ma túy 0,9393 gam MDMA, 0,2823 gam Ketamine Cơ quan điều tra thu giữ dưới nệm tại phòng ngủ trên gác căn nhà số B là của K. Tuy nhiên, có cơ sở xác định số ma túy này K cất giấu nhằm mục đích mua bán vì căn nhà số B là của K thuê để ở một mình, số ma túy này cùng loại với ma túy K cất giữ tại chỗ ở để bán cho người khác. Ngày 25/9/2024, Lê Hữu L đến phòng của K chơi và ngủ trên gác nhưng không có căn cứ chứng minh số ma túy này là của L mặc dù kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Lê Hữu L dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Cơ quan điều tra đã thu giữ được một bộ dụng cụ sử dụng ma túy của L tại chỗ ở của K.

* Về thu giữ vật chứng:

- Qua khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn K, thu giữ:

+ 05 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu lần lượt: M1; M2-1; M3-1; M3-2; M4-2); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu nâu (ký hiệu M2-2); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa thực vật khô (ký hiệu M3-3); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 02 viên nén màu vàng (ký hiệu M4-1); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 11 viên nén màu tím (ký hiệu M3-4) là vật không còn giá trị sử dụng.

+ 01 túi vải màu đen bên trong có 01 khẩu súng màu đen có in chữ EKOL Botan và dãy số 2200395, trong hộp tiếp đạn có 04 viên đạn màu vàng, đầu đạn bằng cao su liên quan đến hành phạm tội của K.

+ 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số điện thoại 0876708737, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu trắng, số điện thoại 0962867899 là tài sản dùng vào hành vi phạm tội.

+ 01 thẻ nhớ màu đen có in chữ HK VISION 32GB (là thẻ nhớ được gắn trong Camera giám sát) tại khu vực cổng nhà, 01 hộ chiếu số B5661300 tên Nguyễn Văn K không liên quan đến hành vi phạm tội;

+ 02 quyển sổ gồm 01 quyển màu xanh và 01 quyển màu đỏ (bên trong có nhiều ghi chép); 01 đèn quay; 01 loa lớn có in chữ JBJ; 02 loa nhỏ có in chữ BOSE; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 cái chai thủy tinh có cắm 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa); 02 cái nỏ thủy tinh; 01 đoạn ống hút cắt vát một đầu; 01 cái muỗng nhựa màu vàng; 01 cân điện tử màu trắng có in chữ 3000gx0.1g; 01 cân điện tử màu xám có in chữ Item NO.:P138; 01 nỏ thủy tinh gắn trên nắp nhựa màu xanh; 01 cái kéo bằng kim loại, 106 túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì, không còn giá trị sử dụng.

- Thu giữ của Lê Thị M:

+ 04 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu lần lượt M1, M2, M3, M4) không còn giá trị sử dụng.

+ 01 ống hút bằng tờ tiền 5.000 đồng không còn nguyên vẹn, 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno7 là công cụ dùng vào hành vi phạm tội.

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 bình thủy tinh gắn nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy Khay gồm 01 thẻ nhựa in chữ BURBERRY, và 01 đĩa sứ màu trắng; 01 cân điện tử màu đen hiệu POCKET SCALE; 01 bọc nylon màu đen bên trong chứa túi nylon miệng kéo dính chưa sử dụng, không còn giá trị sử dụng.

- Thu giữ của Nguyễn Thị M1, Đỗ V:

+ 02 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu lần lượt M1, M2); 01 thẻ Ngân hàng V3; 01 đĩa sứ màu trắng, không còn giá trị sử dụng.

+ 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng không còn nguyên vẹn; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7 Z 5G màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX màu đen là tài sản dùng vào hành vi phạm tội.

- Thu giữ của Lê Hữu L:

+ 01 ba lô; 01 hộ chiếu số C8861420, mang tên Lê Hữu L là tài sản của L.

+ 01 hộp nhựa bên trong có 01 nỏ thủy tinh không còn giá trị sử dụng.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKSBD-P1 ngày 19 tháng 3 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Văn K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”, quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 306 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249, điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Lê Thị M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày luận tội: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ V, Nguyễn Thị M1, Lê Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn thống nhất và phù hợp với nhau, phù hợp với các kết luận giám định, các tài liệu, vật chứng, chứng cứ khác thu giữ được.

Hành vi của phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn K là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi của phạm tội của các bị cáo L2 và M1 là rất nghiêm trọng; hành vi của phạm tội của của bị cáo M1 là nghiêm trọng; tội phạm các bị cáo thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo K còn có hành vi tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ là hành vi trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý công cụ hỗ trợ. Khi thực hiện hành phạm tội nêu trên, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển được hành vi của mình và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mong muốn thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy và thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Hành vi sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Về nhân thân: Các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo K đã từng 06 lần bị Tòa án kết án, đã được xóa án tích về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng bị cáo vẫn không tu dưỡng làm ăn mà với bản tính lười lao động, bị cáo tiếp tục buôn bán trái phép chất ma túy để lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy.

Riêng bị cáo M đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy, được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú do bị cáo đang nuôi con nhỏ. Tuy nhiên, bị cáo không ăn năn hối

cải mà lại tiếp tục mua ma túy để sử dụng, thỏa mãn nhu cầu của bản thân, thể hiện ý thức xem thường, thách thức pháp luật. Ngày 25/12/2024, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 382/2024/HS-ST.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn K, Lê Thị M, Đỗ V, Nguyễn Thị M1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án, kết quả xét hỏi tại phiên tòa, có đủ căn cứ khẳng định Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”, quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 306 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249, điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Bị cáo Lê Thị M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; khoản 1 Điều 306; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K mức hình phạt từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 06 tháng đến 12 tháng về tội “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K mức án từ 17 năm 06 tháng đến 19 năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Vũ L2: 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Vũ L2 mức hình phạt từ 09 năm đến 11 năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M1 mức hình phạt từ 09 năm đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị M mức hình phạt tù 03 năm đến 04 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp với hình phạt của Bản án số 382/2024/HS-ST ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đối với Lê Thị M.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng quy định tại các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên như sau:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: Các mẫu vật sau giám định là ma túy.
- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.
- Chuyển Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh B xử lý theo quy định đối với các tờ tiền không còn nguyên vẹn: 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng, tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng.

Trả cho Lê Hữu L: 01 hộ chiếu số C8861420, mang tên Lê Hữu L;

Trả cho Nguyễn Văn K: 01 hộ chiếu số B5661300, mang tên Nguyễn Văn K; 01 thẻ nhớ màu đen có in chữ HK VISION 32GB được niêm phong trong bì thư có chữ ký của Phạm Thanh U, Đoàn Quyết T5 và hình dấu mộc đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K trình bày bào chữa:* Thông nhất truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt. Bị cáo có thời gian mua bán ma túy ngắn, nhỏ lẻ, bị cáo tàng trữ công cụ hỗ trợ nhưng không sử dụng mà cất giữ. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có 02 con còn nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* *Bị cáo Nguyễn Văn K thống nhất bài bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến bổ sung.*

* *Các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1, Lê Thị M thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.*

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa: những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án và được công bố tại phiên tòa, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: ngày 27/9/2024, tại số B, đường A, tổ D, khu phố A, phường A, thành phố T, Cơ quan điều tra phát hiện Nguyễn Văn K mua bán trái phép 61,2459 gam ma túy, loại Methamphetamine; 6,1069 gam ma túy loại MDMA; 20,397 gam ma túy, loại Ketamine và 1,6114 gam ma túy loại MDMB-BUTINACA, gồm: 60,1736 gam Methamphetamine, 6,1069 gam MDMA, 10,9320 gam Ketamine và 1,6114 gam MDMB-BUTINACA thu giữ tại chỗ ở và 1,0723 gam Methamphetamine, 7,1638 gam Ketamine bán cho Lê Thị M, 2,3012 gam Ketamine bán cho Nguyễn Thị M1 và Đỗ V. Ngoài ra, Nguyễn Văn K đã bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ, chưa chấp hành xong Quyết định xử phạt hành chính nhưng lại tiếp tục tàng trữ trái phép 01 cây súng và 04 viên đạn là công cụ hỗ trợ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”, quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 306 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 phân công nhau chuẩn bị chất ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy và cùng nhau sử dụng ma túy 02 lần tại số B đường L, khu phố B, phường B, thành phố T. Đồng thời cất giấu 2,3012 gam ma túy, loại Ketamine nhằm mục đích sử dụng, hành vi các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Thị M tàng trữ trái phép 7,1638 gam ma túy, loại Ketamine và 1,0723 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng tại số D khu phố T, phường T, thành phố D, hành vi của bị cáo Lê Thị M đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn K tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”, quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 306 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 tội “Tàng trữ trái

phép chất ma túy”; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị Lê Thị M tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn K là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Lê Thị M là nghiêm trọng; nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hiện nay, tình hình tội phạm ma túy tại tỉnh Bình Dương nói riêng và trên cả nước nói chung đang diễn biến phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi, số lượng lớn. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với từng bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa cho xã hội.

[7] Vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau: Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn K có tính chất nguy hiểm cao nhất. Bị cáo là người bán ma túy cho các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1, Lê Thị M sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất đối với bị cáo K và cao hơn các bị cáo khác trong vụ án để các bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo K ra ngoài đời sống xã hội một thời gian dài nhằm trừng trị đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 thực hiện hành vi phạm tội có tính chất nguy hiểm cao hơn bị cáo M nên mức hình phạt các bị cáo phải chịu thấp hơn bị cáo K, cao hơn bị cáo M.

[8] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo mức hình phạt cho phù hợp.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ V, Nguyễn Thị M1, Lê Thị M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo,

mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K về đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[13] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Cần tịch thu tiêu hủy các chất ma túy và dụng cụ sử dụng chất ma túy thu giữ của bị cáo.

- Cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước vật chứng mà các bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho ông Lê Hữu L: 01 (một) hộ chiếu số C8861420, mang tên Lê Hữu L do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn K các đồ vật, tài liệu thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội, gồm:

- + 01 (một) hộ chiếu số B5661300, mang tên Nguyễn Văn K;

- + 01 (một) đèn quay màu đen, có in chữ THAKI LIGHT;

- + 01 (một) bộ loa gồm: 01 loa lớn có in chữ JBL và 02 loa nhỏ có in chữ BOSE.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M1 01 (một) thẻ Ngân hàng V2 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B để xử lý theo thẩm quyền: 01 (một) túi niêm phong số 23003853, có chữ ký Phan Công L3, Đoàn Quyết T5, bên trong chứa 01 túi vải màu đen và 01 khẩu súng màu đen có in chữ EKOL Botan Cal. 9Mm P.A.K và dây chữ và số: V21EKDCY-2200395 (công cụ hỗ trợ, theo Kết luận giám định 4833/KL-KTHS(SĐ) ngày 18/10/2024).

[14] Đối với hành vi của Nguyễn Văn K tàng trữ trái phép 0,0286 gam ma túy, loại Methamphetamine Cơ quan điều tra thu giữ trong nỏ thủy tinh và tàng trữ 04 bộ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 14/02/2025 đối với K là đúng quy định.

[15] Đối với hành vi của Lê Hữu L tàng trữ 01 bộ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 14/02/2025 đối với L là có căn cứ

[16] Ông Bùi Đức L1 cho Nguyễn Văn K thuê nhà, bà Lê Thị Kim T4 cho Đỗ Vũ L2 và Nguyễn Thị M1 thuê nhà nhưng không biết các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với ông L1 và bà T4 là phù hợp.

[17] Đối với đối tượng bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn K nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[18] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 306; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 17 (mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2024.

2.2 Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249, điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Đỗ Vũ L2 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M1 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2024.

2.3 Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Thị M 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 382/2024/HS-ST ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2024.

3. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 4586/PC09, giấy niêm phong có chữ ký Lê Thị M (người chứng kiến); Nguyễn Ngọc D2 (cán bộ trả mẫu), Tô Điền T6 (cán bộ nhận mẫu) và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định, theo Kết luận giám định số 4586/KL-KTHS(MT) ngày 04/10/2024 của phòng KTHS Công an tỉnh B.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, gồm: 01 bình thủy tinh gắn nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy Khay, gồm: 01 thẻ nhựa in chữ BURBERRY, 01 đĩa sứ màu trắng;

- 01 (một) cân điện tử màu đen hiệu POCKET SCALE;

- 01 (một) bọc nylon màu đen, bên trong chứa nhiều túi nylon miệng kéo dính chưa sử dụng;

- 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 4599/PC09, giấy niêm phong có chữ ký Đỗ Vũ L2, Nguyễn Thị M1 (người chứng kiến); Nhan Thái H3 (cán bộ trả mẫu), Tô Điền T6 (cán bộ nhận mẫu) và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định, theo Kết luận giám định số 4599/KL-KTHS(MT) ngày 03/10/2024 của phòng KTHS Công an tỉnh B;

- 01 (một) đĩa sứ màu trắng đựng trong túi nylon;

- 01 (một) ba lô màu đen;

- 01 (một) hộp nhựa CoolAir, bên trong có 01 nỏ thủy tinh;

- 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 4594M1/PC09, giấy niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn K (người chứng kiến); Nhan Thái H3 (cán bộ trả mẫu), Nguyễn Công K1 (cán bộ nhận mẫu) và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp vải màu xanh và 01 đoạn ống hút cắt vát 01 đầu, theo Kết luận giám định số 4594/KL-KTHS(MT) ngày 04/10/2024 của phòng KTHS Công an tỉnh B;

- 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 4594M2/PC09, giấy niêm phong có chữ ký Nguyễn Văn K (người chứng kiến); Nhan Thái H3 (cán bộ trả mẫu),

Nguyễn Công K1 (cán bộ nhận mẫu) và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp vải màu đen; 01 cái muỗng nhựa màu vàng; 01 nỏ thủy tinh, theo Kết luận giám định số 4594/KL-KTHS(MT) ngày 04/10/2024 của phòng KTHS Công an tỉnh B;

- 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 4594M3/PC09, giấy niêm phong có chữ ký Nguyễn Văn K (người chứng kiến); Nhan Thái H3 (cán bộ trả mẫu), Nguyễn Công K1 (cán bộ nhận mẫu) và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp vải màu xanh; 03 túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì, theo Kết luận giám định số 4594/KL-KTHS(MT) ngày 04/10/2024 của phòng KTHS Công an tỉnh B;

- 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 4594M4/PC09, giấy niêm phong có chữ ký Nguyễn Văn K (người chứng kiến); Nhan Thái H3 (cán bộ trả mẫu), Nguyễn Công K1 (cán bộ nhận mẫu) và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định, theo Kết luận giám định số 4594/KL-KTHS(MT) ngày 04/10/2024 của phòng KTHS Công an tỉnh B;

- 01 (một) thẻ nhớ màu đen có in chữ HK VISION 32GB, trong bì thư niêm phong có chữ ký Phạm Thanh U, Đoàn Quyết T5 và dấu đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh B;

- 01 (một) quyển sổ màu xanh bên trong có nhiều ghi chép (các trang có ghi chép, đã được Nguyễn Văn K ký xác nhận);

- 01 (một) quyển sổ màu đỏ bên trong có nhiều ghi chép (các trang có ghi chép, đã được Nguyễn Văn K ký xác nhận);

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 cái chai thủy tinh có cắm 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa);

- 01 (một) cái nỏ thủy tinh;

- 01 (một) túi niêm phong có chữ ký Nguyễn Văn K, Phạm Thanh U, Phan Văn Q1, Lê Quốc T7, chứa: 01 cân điện tử màu trắng có in chữ 3000g x 0.1g và 01 cân điện tử màu xám có in chữ Item NO.:P138;

- 103 (một trăm lẻ ba) túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì;

- 01 (một) cái nỏ thủy tinh gắn trên nắp nhựa màu xanh;

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại;

- 05 (năm) bì thư chứa niêm mạc của các đối tượng, được niêm phong chung bằng băng keo niêm phong màu đỏ (theo Kết luận giám định số 4913/KL-KTHS (SV) ngày 18/11/2024 và biên bản đóng gói niêm phong ngày 05/12/2024 của phòng KTHS Công an B), gồm:

+ 01 (một) bì thư có chữ ký của Lê Hữu L, Nguyễn Công K1, Nhan Thái H3 và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B, bên trong chứa mẫu niên mạc miệng của Lê Hữu L;

+ 01 (một) bì thư có chữ ký của Nguyễn Văn K, Nguyễn Công K1, Nhan Thái H3 và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B bên trong chứa mẫu niên mạc miệng của Nguyễn Văn K được niêm phong trong bì thư có chữ ký của Lê Hữu L4, Nguyễn Công K1, Nhan Thái H3 và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B;

+ 03 (ba) bì thư niêm phong đều có chữ ký của Nhan Thái H3, Nguyễn Công K1, Nguyễn Văn K, Lê Hữu L và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh B, trong đó bì thư ký hiệu M2, M4 đều chứa 01 túi nylon miệng kéo dính và bì thư ký hiệu M3 chứa 03 túi nylon miệng kéo dính (là các túi nylon chứa ma túy được tách ra sau khi giám định chất ma túy phục vụ công tác giám định dấu vết sinh học ADN);

- 03 (ba) túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì (là mẫu vật giám định dấu vết đường vân).

3.2 Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động OPPO Reno7, số IMEI1: 867226055343597, số IMEI2: 867226055343589, có gắn 02 sim (trong bì thư niêm phong ký hiệu A2, có chữ ký Trịnh Ngọc T8, Phạm Thanh U và dấu đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh B, theo Kết luận giám định số 5819/KL-KTHS ngày 03/01/2025 và biên bản đóng gói niêm phong ngày 11/02/2025 của phòng KTHS Công an tỉnh B);

- 01 (một) điện thoại di động OPPO Reno7 Z 5G màu đen, số imei1: 8635 57052007197, gắn 02 sim (trong bì thư niêm phong ký hiệu A3, có chữ ký Trịnh Ngọc T8, Phạm Thanh U và dấu đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh B, theo Kết luận giám định số 5819/KL-KTHS ngày 03/01/2025 và biên bản đóng gói niêm phong ngày 11/02/2025 của phòng KTHS Công an tỉnh B);

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu đen, số imei: 354440 890807415, gắn 01 sim (trong bì thư niêm phong ký hiệu A1, có chữ ký Trịnh Ngọc T8, Phạm Thanh U và dấu đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh B, theo Kết luận giám định số 5819/KL-KTHS ngày 03/01/2025 và biên bản đóng gói niêm phong ngày 11/02/2025 của phòng KTHS Công an tỉnh B);

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Promax màu trắng, số imei: 3541 32411537312, gắn 01 sim (trong bì thư niêm phong ký hiệu A4, có chữ ký Trịnh Ngọc T8, Phạm Thanh U và dấu đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh B, theo Kết luận giám định số 5819/KL-KTHS ngày 03/01/2025 và biên bản đóng gói niêm phong ngày 11/02/2025 của phòng KTHS Công an tỉnh B);

- 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Nokia, model: 8800e-1; bị ô vàng, hỏng công sạc, không lên nguồn, có gắn 01 sim, số imei mờ không đọc được, không kiểm tra tình trạng hoạt động;

- Tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng (hai nghìn đồng), bị rách mất 01 góc, đôi tượng dùng để gói ma túy;

- 01 (một) ống hút cuộn tròn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng không còn nguyên vẹn;

- 01 (một) ống hút bằng tờ tiền 5.000 đồng không còn nguyên vẹn;

3.3 Trả lại cho Lê Hữu L: 01 (một) hộ chiếu số C8861420, mang tên Lê Hữu L.

3.4 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn K:

- 01 (một) hộ chiếu số B5661300, mang tên Nguyễn Văn K;

- 01 (một) đèn quay màu đen, có in chữ THAKI LIGHT;

- 01 (một) bộ loa gồm: 01 loa lớn có in chữ JBL và 02 loa nhỏ có in chữ BOSE;

3.4 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M1: 01 (một) thẻ Ngân hàng V2.

3.5 Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B: 01 (một) túi niêm phong số 23003853, có chữ ký Phan Công L3, Đoàn Quyết T5, bên trong chứa 01 túi vải màu đen và 01 khẩu súng màu đen có in chữ EKOL Botan Cal. 9Mm P.A.K và dây chữ và số: V21EKDCY-2200395 (công cụ hỗ trợ, theo Kết luận giám định 4833/KL-KTHS(SĐ) ngày 18/10/2024);

(Vật chứng đã chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương)

4. Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ V, Nguyễn Thị M1, Lê Thị M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (8);
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (8);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Phòng KTNV và Thi hành án (12);
- Lưu: Văn phòng (4), hồ sơ vụ án. HTHT. 41.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Lộc

Nguyễn Huỳnh Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Trần Anh Dũng

Nguyễn Văn Cương

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA****Trần Thị Đẹp****Đoàn Kim Bình****Lê Thị Mỹ****Trương Văn Lộc****Nguyễn Huỳnh Đức**